

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 20 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lệnh Xuân Chính

+ Ông La Thế Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Anh Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ tham gia phiên tòa:** ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 2 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàn Phử P**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: nam; Sinh ngày 20/6/2005, tại xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Số CCCD: 002205009868. Cấp ngày 17/12/2021. Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH Bộ công an; Con ông Phàn Sài V; SN: 1985 và bà Tần Thị M; SN: 1986. Có vợ là Sùng Thị M; SN: 1996; Vợ con chưa có; Nhân thân: Không; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2024 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phàn Sài C**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 15/10/1987 tại xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Số CCCD: 002097008704. Cấp ngày 25/6/2021. Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH Bộ công an; Con ông Phàn Sài C (đã chết) và bà Tần Thị M; SN: 1960. Có vợ là Chấn Thị T; SN: 2002 và 03 con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2023; Nhân thân: Không; Tiền án, tiền sự: Chưa. Ngày 03/01/2024 bị cáo ra tự thú, ngày 05/01/2024 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho 2 bị cáo: Ông Hoàng Ngọc Chung- Trợ giúp viên, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 12/2023 Phan Phú P nghe tin mua pháo Trung Quốc về bán có lãi, lúc đó biết chủ họ là Phan Sài C có quen biết với người bên Trung Quốc nên ngày 22/12/2023 P đã nhắn tin cho C hỏi mua pháo Trung Quốc để mang về bán kiếm lời, C đồng ý. Vào đầu năm 2023 khi đi làm khu vực biên giới C có quen người Trung Quốc không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ biết là người đàn ông đó nói cùng tiếng dân tộc Dao nên ngày 24/12/2023, C gọi điện qua ứng dụng Wechat (*ứng dụng nhắn tin, gọi điện của mạng xã hội Trung Quốc*) cho người đàn ông Trung Quốc đã quen đề hỏi có bán pháo không, thì được trả lời là có, rồi gửi hình ảnh các loại pháo để cho C xem, sau đó C lại gửi ảnh các loại pháo cho P xem để chọn. Sau khi xem xong thì P bảo C mua 2 thùng pháo, mỗi thùng gồm 4 hộp, mỗi hộp 36 ống với giá là 1.250.000 đồng/thùng. Sau đó C đặt người đàn ông Trung Quốc mua 02 thùng pháo theo yêu cầu của P, người đàn ông Trung Quốc đồng ý và nói với C là lúc nào có pháo thì sẽ thông báo sau. Sau khi đặt mua được pháo thì P có nói khi bán được pháo sẽ trả công cho C là 1.200.000đồng, còn P bán được bao nhiêu tiền thì P hưởng, C nhất trí. Đến ngày 31/12/2023 người đàn ông Trung Quốc thông báo cho C biết đã có pháo và hẹn C khoảng 09 giờ Trung Quốc, tức 08 giờ Việt Nam, ngày 01/01/2024 đến mốc 337 (biên giới Việt Nam - Trung Quốc) thuộc thôn N, xã B, huyện Q để lấy pháo. Sau đó C nhắn tin cho P để biết, đến tối cùng ngày P sang nhà đưa cho C 1.500.000 đồng, đến khoảng 08 giờ ngày 01/01/2024 C đã đi xe mô tô của mình, biển kiểm soát 23M1-06180 sang nhà P, còn Pao tự đi xe mô tô của mình, BKS 23AU - 003.45, nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, cả hai đi theo đường bê tông hướng lên mốc 338. Khi đến đường rẽ đi lên mốc 337, C để xe mô tô của mình ở lề đường, rồi hỏi P đưa số tiền còn lại, P đưa cho C 1.000.000đồng. Sau đó P điều khiển xe mô tô của mình chở C đi thẳng lên mốc 337, đi được khoảng 2,5 km thì P và C để xe ở lề đường, sau đó P mở cốp xe lấy 02 bao tải dứa (*một bao màu vàng và một bao màu trắng*) rồi cùng C đi bộ khoảng 500 mét lên đến mốc 337 rồi tiếp tục đi bộ về hướng mốc 336 khoảng 50 mét. Sau khi C liên lạc bằng điện thoại thì chờ khoảng 30 phút thì thấy một người đàn ông Trung Quốc không biết tên, tuổi, địa chỉ, mặc áo khoác màu đen, quần vải màu đen vác theo 02 (thùng bìa cát tông màu đỏ, vàng đến, rồi ném 02 thùng bìa cát tông qua hàng rào ngăn biên giới (hàng rào cao khoảng 1,8 mét) sang cho P và C, sau đó C lấy 2.500.000 đồng của P đã đưa cho vào túi nylon cùng viên đá buộc lại ném qua hàng rào để trả tiền cho người đàn ông Trung Quốc. Sau đó P và C cho 02 thùng bìa cát tông (pháo) vào 02 bao tải dứa rồi mỗi người vác một bao về chỗ để xe của P rồi dùng dây cao su đã mang sẵn cùng nhau buộc hai bao tải lên giá để hàng rồi P điều khiển xe chở pháo vào nội địa về phía UBND xã B để tiêu thụ. Mục đích sẽ bán với giá 5.000.000 đồng/02 thùng pháo, còn C ra lấy xe máy của mình về sau. Khi P vận chuyển số pháo trên đến thôn C, xã B,

huyện Q, thì bị tổ công tác tuần tra, kiểm soát Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang.

Thu giữ vật chứng gồm:

+ 02 thùng bìa cát tông có kính thước (41,7 x 34,3 x 17,8)cm có màu vàng đỏ, có hình pháo hoa và chữ nước ngoài. Bên trong mỗi thùng có 04 khối hình hộp kích thước (20,5 x 17 x 17)cm, bên trong mỗi khối hình hộp có 36 khối trụ hình tròn là pháo. Trong đó thùng số 01 có khối lượng 8,8 kg; thùng số 02 có khối lượng 8,5 kg. Tổng khối lượng 02 thùng là 17,3 kg; Trong đó hộp bìa cát tông là 0,7 kg, khối lượng pháo là 16,6 kg.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 23AU-003.45, màu trắng, 01 chìa khoá xe mô tô; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô (đều đã qua sử dụng).

+ 01 Điện thoại di động của Phan Phủ P.

+ 01 Điện thoại di động của Phan Sài C.

Sau khi cân tịnh xác định khối lượng cơ quan điều tra đã trích mẫu vật gồm 01giàn pháo (khối hình hộp) để trưng cầu giám định có khối lượng là 2,05 kg ký hiệu A1

Tại Kết luận giám định số: 46/KL-KTHS, ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang kết luận: *Mẫu gửi giám định ký hiệu A1 là pháo nổ (pháo hoa nổ).*

Đến ngày 03/01/2024 Phan Sài C khi nghe tin bị cáo P bị bắt thì Phan Sài C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q để tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào kết quả giám định, kết quả khám nghiệm các hiện trường, lời khai nhận tội của các đối tượng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được Cơ quan CSĐT Công an huyện Quản Bạ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với Phan Sài C, Phan Phủ P về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hai bị cáo thừa nhận có sử dụng điện thoại đang bị thu giữ để liên lạc về việc mua pháo về bán, sau đó bị cáo Pao sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 23AU-003.45 của mình để đi mua pháo rồi vận chuyển mang đi tiêu thụ

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSQB ngày 26/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo Phan Sài C, Phan Phủ P về tội buôn bán hàng cấm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Phan Phủ P: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phan Phủ P từ 18 đến 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tù về tội “ Buôn bán hàng cấm”, thời gian thử thách từ 36 đến 44 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Phan Sài C: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 17; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử

phạt bị cáo từ 14 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tù về tội “ Buôn bán hàng cấm”, thời gian thử thách từ 28 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy: 14,55kg pháo còn lại sau giám định, 01 dây cao su, 02 bao tải dừa.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone của Phan Phú P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Phan Sài C; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 23AU-003.45, màu trắng, 01 chìa khoá xe mô tô; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô của Phan Phú P.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Nội dung bào chữa của người bào chữa cho 2 bị cáo nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo C được hưởng thêm tình tiết là hộ nghèo, đã tự giác ra tự thú. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Phú P 14 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo Phan Sài C 12 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã nêu. Trong phần tranh luận các bị cáo nhất trí với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, về mức án nhất trí với đề nghị của người bào chữa. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận với nội dung đề nghị của người bào chữa và giữ nguyên quan điểm về đề nghị mức hình phạt với các bị cáo. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bản thân không có việc làm, thu nhập không ổn định, là lao động chính trong gia đình, nên đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để có cơ hội phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người có quyền lợi liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thể hiện: Tại phiên toà các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Phan Phú P đã có mục đích mua pháo trái phép để mang bán kiếm lời, do vậy biết Phan Sài C có quen biết người Trung

Quốc nên đã nhờ C mua pháo, nếu được sẽ trả cho C 1.200.000 đồng, bị cáo Phàn Sài C đã nhất trí. Sau khi liên lạc với một người Trung Quốc có pháo bán, C đã trao đổi với P và nhất trí mua 02 thùng pháo hoa với giá 2.500.000 đồng, P đã giao cho C 2.500.000 đồng để thanh toán. Sáng ngày 01/01/2024 Phàn Phụ P và Phàn Phụ C đã cùng nhau đi đến khu vực mốc 337 thuộc địa phận xã B được một người Trung Quốc bán cho 02 thùng pháo hoa, khối lượng 16,6 kg, sau đó C trả tiền và P dùng xe mô tô của mình chở 02 thùng pháo mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện. Kết luận giám định số pháo nêu trên thuộc loại pháo hoa nổ.

[3] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ trong vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phàn Phụ P và Phàn Phụ C đã mua 16,6 kg pháo hoa nổ từ Trung Quốc về với mục đích bán kiếm lời, hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội buôn bán hàng cấm. Cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố bị các cáo theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước trong quản lý một số loại hàng hoá cấm buôn bán, vận chuyển, gây mất trật tự tại địa phương. Khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do vậy các bị cáo có đủ khả năng để nhận thức việc mua bán, vận chuyển trái phép mặt hàng pháo bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì muốn có tiền chi tiêu, muốn có thu nhập mà không phải do lao động chính đáng của mình làm ra, nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo P là người khởi xướng, trực tiếp đưa tiền cho C mua pháo về để bán, trực tiếp vận chuyển để mang về tiêu thụ, bị cáo C biết mua pháo là loại hàng cấm nhưng đã trực tiếp giao dịch, cùng vận chuyển pháo cho P mang đi tiêu thụ để được hưởng tiền công, đây là lỗi cố ý, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, như vậy bị cáo P phải chịu mức án cao hơn bị cáo C khi ấn định hình phạt.

[5] Xét nhân thân: Không.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo C đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, quá trình điều tra đã ra tự thú.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số hạn chế về hiểu biết pháp luật, xã hội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly xã hội đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Quan điểm

của Viện Kiểm sát tại phiên toà về các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ và đúng qui định, về mức án đề nghị cũng đảm bảo tính giáo dục và có tính dẫn đe, phòng ngừa chung. Về nội dung bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo có căn cứ để xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự còn qui định phạt tiền đối với người phạm tội. Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với khối lượng pháo là tang vật của vụ án còn lại sau giám định, là vật cấm lưu hành đang được niêm phong, bảo quản tại kho vật chứng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang; 01 dây cao su dài 05 mét; 02 bao tải dứa (không còn giá trị sử dụng) cần tịch thu tiêu hủy.

Những vật chứng sau là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 23AU-003.45; 01 chìa khoá xe mô tô; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô của Phan Phụ P cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước

[10] Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phan Phụ P **22** (hai mươi hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian thử thách 44 (bốn mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 17, điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Sài C **18** (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tù về tội “ Buôn bán hàng cấm”, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao các bị cáo Phan Phụ P, Phan Sài C cho UBND xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 63, Điều 70; Điều 71 Luật quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 26/2012 ngày 05/4/2012 của Chính phủ qui định về trình tự, thủ tục, thẩm

quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Tịch thu tiêu huỷ 14,55kg pháo nổ (còn lại sau giám định) đã được niêm phong gửi tại kho vật chứng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang. Giao cho Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 dây cao su, 02 bao tải dứa.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone của Phan Phụ P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Phan Sài C; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, BKS 23AU-003.45, màu trắng, 01 chìa khoá xe mô tô; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô của Phan Phụ P.

Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa công an huyện Q và Chi cục thi hành huyện Q ngày 26/02/2024

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

-Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CQĐT + CQTHAHS Công an Q;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các bị cáo;
- UBND xã B;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)